

Bài 31 CƠ CẤU DÂN SỐ

I - CƠ CẤU SINH HỌC

1. Cơ cấu dân số theo giới

Cơ cấu dân số theo giới biểu thị tương quan giữa giới nam so với giới nữ hoặc so với tổng số dân. Đơn vị tính bằng phần trăm (%).

$$T_{NN} = \frac{D_{\text{Nam}}}{D_{\text{Nữ}}}$$

Trong đó : T_{NN} : Tỷ số giới tính D_{Nam} : Dân số nam $D_{\text{Nữ}}$: Dân số nữ

Cơ cấu dân số theo giới biến động theo thời gian và khác nhau ở từng nước, từng khu vực. Thông thường ở những nước phát triển, nữ nhiều hơn nam ; ngược lại, ở các nước đang phát triển, nam nhiều hơn nữ. Nguyên nhân chủ yếu là do trình độ phát triển kinh tế - xã hội, do chiến tranh, do tai nạn, do tuổi thọ trung bình của nữ thường cao hơn nam và do chuyển cư. Cơ cấu theo giới có ảnh hưởng đến phân bố sản xuất, tổ chức đời sống xã hội và hoạch định chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của các quốc gia.

Khi phân tích cơ cấu theo giới, người ta không chỉ chú ý tới khía cạnh sinh học, mà còn quan tâm tới khía cạnh xã hội như vị thế, vai trò, quyền lợi, trách nhiệm của giới nam và giới nữ.

■ Cơ cấu dân số theo giới có ảnh hưởng như thế nào đến việc phát triển kinh tế - xã hội ?

2. Cơ cấu dân số theo tuổi

Cơ cấu dân số theo tuổi là tập hợp các nhóm người được sắp xếp theo những lứa tuổi nhất định. Trong dân số học, cơ cấu theo tuổi có ý nghĩa quan trọng vì nó thể hiện tổng hợp tình hình sinh tử, tuổi thọ, khả năng phát triển dân số và nguồn lao động của một quốc gia.

Có hai loại cơ cấu dân số theo tuổi :

– Cơ cấu tuổi theo khoảng cách không đều nhau. Với loại cơ cấu này, dân số được phân chia thành 3 nhóm tuổi :

+ Nhóm dưới tuổi lao động : 0 - 14 tuổi.

+ Nhóm tuổi lao động : 15 - 59 tuổi (hoặc đến 64 tuổi).

+ Nhóm trên tuổi lao động : 60 tuổi (hoặc 65 tuổi) trở lên.

Số người trong nhóm tuổi lao động là nguồn nhân lực quan trọng, là vốn quý của quốc gia, cần phải sử dụng số người trong nhóm tuổi này một cách tối ưu để tạo ra sức sản xuất cao nhất cho xã hội.

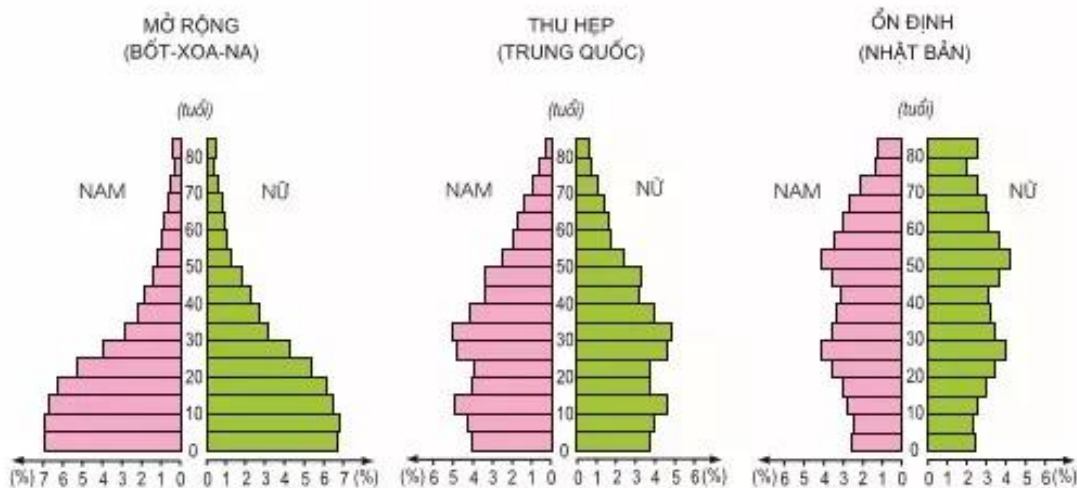
Căn cứ vào ba nhóm tuổi trên, người ta cũng phân biệt dân số ở một nước là già hay trẻ :

Nhóm tuổi	Dân số già (%)	Dân số trẻ (%)
0 - 14	< 25	> 35
15 - 59	60	55
60 trở lên	> 15	< 10

■ Dựa vào bảng số liệu trên, cho biết đặc trưng của dân số già và dân số trẻ. Nêu những thuận lợi và khó khăn của dân số già và dân số trẻ đối với phát triển kinh tế - xã hội.

– Cơ cấu tuổi theo khoảng cách đều nhau. Với loại cơ cấu này, dân số được phân chia theo khoảng cách đều nhau : 1 năm, 5 năm hoặc 10 năm.

Để nghiên cứu cơ cấu sinh học, người ta thường sử dụng tháp dân số (hay tháp tuổi).



Hình 31.1 - Các kiểu tháp dân số cơ bản

Nhìn chung có 3 kiểu tháp dân số cơ bản sau :

+ **Kiểu mở rộng (Bốt-xoa-na)** : đáy tháp rộng, đỉnh tháp nhọn, các cạnh thoải thoải ; thể hiện tỉ suất sinh cao, trẻ em đông, tuổi thọ trung bình thấp, dân số tăng nhanh.

+ **Kiểu thu hẹp** (Trung Quốc) : tháp có dạng phình to ở giữa, thu hẹp về hai phía đáy và đỉnh tháp ; thể hiện sự chuyển tiếp từ dân số trẻ sang dân số già, tỉ suất sinh giảm nhanh, nhóm trẻ em ít, gia tăng dân số có xu hướng giảm dân.

+ **Kiểu ổn định** (Nhật Bản) : tháp có dạng hẹp ở phần đáy và mở rộng hơn ở phần đỉnh ; thể hiện tỉ suất sinh thấp, tỉ suất tử thấp ở nhóm trẻ nhưng cao ở nhóm già, tuổi thọ trung bình cao, dân số ổn định cả về quy mô và cơ cấu.

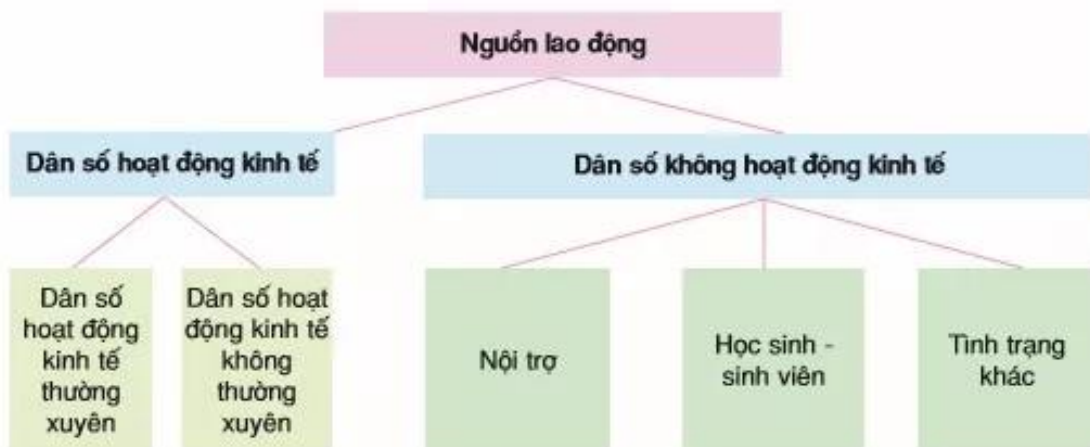
II - CƠ CẤU XÃ HỘI

1. Cơ cấu dân số theo lao động

Cơ cấu dân số theo lao động cho biết nguồn lao động và dân số hoạt động theo khu vực kinh tế.

a) Nguồn lao động

Nguồn lao động bao gồm bộ phận dân số trong độ tuổi quy định có khả năng tham gia lao động. Nguồn lao động được chia làm hai nhóm.



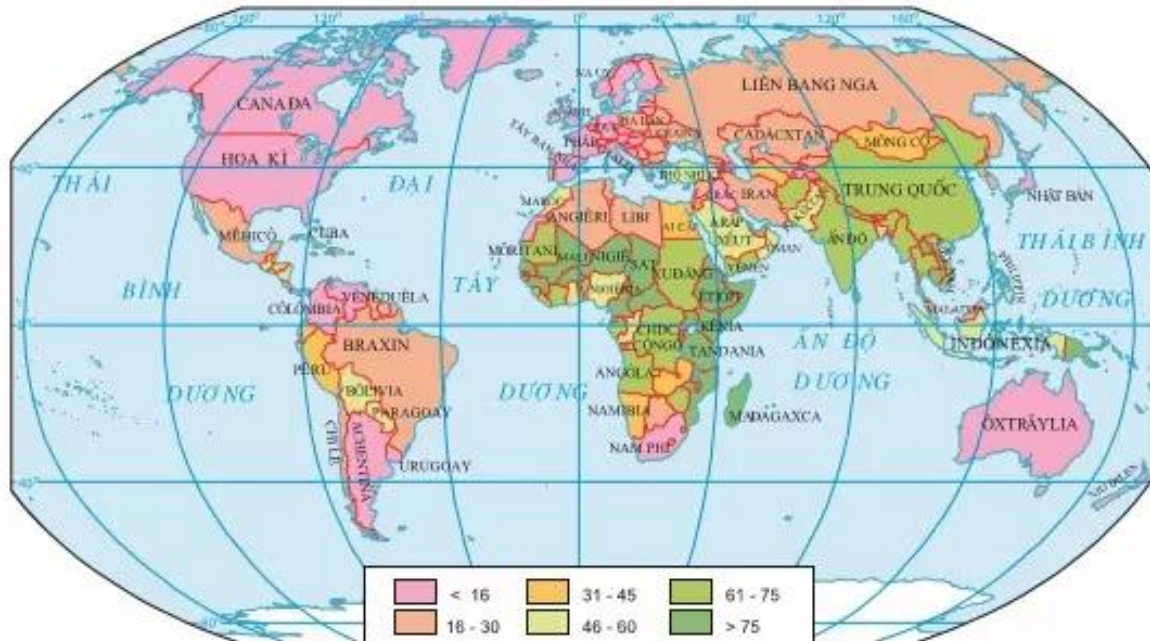
■ *Quan sát sơ đồ về nguồn lao động, hãy phân biệt dân số hoạt động kinh tế và dân số không hoạt động kinh tế.*

Hiện nay trên thế giới có khoảng 2,9 tỉ người đang tham gia hoạt động kinh tế, chiếm trên 48% tổng số dân, hay 77% dân số trong độ tuổi lao động. Trong hơn hai thập kỉ qua, số dân này tăng thêm 900 triệu người.

Tỉ lệ dân số hoạt động so với tổng số dân phụ thuộc chặt chẽ vào cơ cấu dân số theo tuổi, vào đặc điểm kinh tế - xã hội và khả năng tạo việc làm cho những người trong độ tuổi lao động.

b) Dân số hoạt động theo khu vực kinh tế

Hiện nay trên thế giới đang phổ biến cách phân chia các hoạt động kinh tế thành ba khu vực : khu vực I (nông - lâm - ngư nghiệp), khu vực II (công nghiệp và xây dựng), khu vực III (dịch vụ).



Hình 31.2 - Tỷ lệ dân số hoạt động kinh tế trong khu vực I, thời kì 2000 - 2005 (%)

Tỷ lệ dân số hoạt động theo khu vực kinh tế thường thay đổi theo không gian và thời gian, phản ánh trình độ phát triển kinh tế - xã hội. Trên bình diện toàn cầu hiện nay, hơn 40% dân số hoạt động ở khu vực I, 30% ở khu vực II và gần 30% ở khu vực III.

■ Quan sát hình 31.2, cho biết những nước và khu vực có tỷ lệ dân số hoạt động ở khu vực I cao nhất, thấp nhất. Giải thích.

2. Cơ cấu dân số theo trình độ văn hoá

Cơ cấu dân số theo trình độ văn hoá phản ánh trình độ dân trí và học vấn của dân cư, là một trong những tiêu chí để đánh giá chất lượng cuộc sống ở mỗi quốc gia. Trình độ văn hoá của dân cư cao là điều kiện thuận lợi cho sự phát triển, nâng cao năng suất lao động và chất lượng sản phẩm, thúc đẩy các mặt khác của đời sống xã hội.

Để xác định cơ cấu dân số theo trình độ văn hoá, người ta thường dùng hai tiêu chí : tỷ lệ biết chữ (số % những người từ 15 tuổi trở lên

biết đọc, biết viết) và số năm đến trường (số năm bình quân đến trường học của những người từ 25 tuổi trở lên).

Hiện nay trên thế giới còn hơn 1 tỉ người mù chữ. Tỷ lệ người mù chữ cao nhất là ở các nước châu Phi, Nam Á và các nước Ả Rập. Trong khi đó, tại các nước kinh tế phát triển, tỷ lệ người biết chữ rất cao, từ 90 đến 100%. Số năm đi học của người dân ở các nước phát triển khá cao, từ 10 đến trên 14 năm, trong khi đó ở các nước đang phát triển chỉ dao động từ 3 đến 5 năm.

Ngoài ra còn có các loại cơ cấu dân số khác như : cơ cấu dân số theo dân tộc, ngôn ngữ, tôn giáo...

CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP

1. Nêu các loại cơ cấu dân số chủ yếu và ý nghĩa của từng loại.
2. Cho bảng số liệu :

Quy mô và cơ cấu nhóm tuổi của dân số Việt Nam, thời kì 1979 - 2004

(Đơn vị : %)

Nhóm tuổi \ Năm	1979	1989	1999	2004
0 - 14	42,5	38,7	33,6	28,0
15 - 59	50,4	54,1	58,3	63,0
60 trở lên	7,1	7,2	8,1	9,0
Tổng cộng (triệu người)	52,7	64,3	76,3	82,1

Phân tích sự thay đổi về quy mô và cơ cấu nhóm tuổi của dân số Việt Nam thời kì 1979 - 2004.

3. Cho bảng số liệu :

Cơ cấu nhóm tuổi của các nước phát triển và đang phát triển, thời kì 2000 - 2005

(Đơn vị : %)

Nhóm nước \ Nhóm tuổi	0 - 14	15 - 64	65 trở lên
Các nước phát triển	17	68	15
Các nước đang phát triển	32	63	5

Vẽ biểu đồ cơ cấu dân số theo nhóm tuổi trong thời kì 2000 - 2005 của các nước phát triển và các nước đang phát triển. Nhận xét.